

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG

(Kèm theo quyết định số 141/QĐ-CĐKTKT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: May thời trang

Mã ngành, nghề: 6540205

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề ngành Công nghệ may và thời trang, ngành May thời trang; có bằng tốt nghiệp THPT hoặc có giấy xác nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo thông tư 16/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian đào tạo: 1,5 năm (3 học kì)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Chương trình đào tạo cao đẳng nghề May thời trang được xây dựng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyên ngành May và thiết kế thời trang góp phần nâng cao dân trí, giải quyết việc làm, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.
- Chương trình đào tạo cao đẳng nghề May thời trang đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành ngành nghề. Người học có khả năng làm việc và phát triển cả 2 lĩnh vực may, thiết kế thời trang; có khả năng làm việc độc lập, đảm nhận vị trí công việc khác nhau tại các doanh nghiệp theo chuyên ngành May hoặc thiết kế thời trang.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

1.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng CSVN, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
- Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.
- Nhận thức được những vấn đề về quốc phòng an ninh trong tình hình mới.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- + Diễn giải được các kiến thức chuyên ngành may thời trang
- + Lựa chọn phân biệt sử dụng và bảo quản các loại nguyên phụ liệu may
- + Sử dụng và bảo quản một số thiết bị máy móc trong may công nghiệp.

+ Xác định được các vấn đề và có kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến ứng dụng thiết kế chế tạo trong lĩnh vực may thời trang đồng thời phát huy tính sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Thiết kế mẫu thời trang theo bộ sưu tập và theo xu hướng của thời trang.

+ Đọc, hiểu các tài liệu kỹ thuật tiếng anh chuyên ngành.

1.2.2. Kỹ năng:

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

+ Vẽ phác hoạ mẫu trang phục thời trang.

+ Ứng dụng vẽ mỹ thuật và xử lý chất liệu vào trong thiết kế thời trang.

+ Tạo mẫu dựng hình thiết kế thời trang.

+ Đồ họa được trang phục trên máy tính.

+ Thiết kế được các phụ kiện thời trang.

+ Vận dụng trang điểm vào các hoạt động thời trang.

+ Thiết kế, cắt, may được các kiểu quần âu, sơ mi, váy và trang phục thời trang.

+ Thiết kế cắt, may được trang phục cưới và áo dài

+ Thiết kế mẫu công nghiệp và nhày size - GSD trên máy tính

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Khả năng tư duy, kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm, đạo đức nghề nghiệp đủ để làm việc trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hóa.

- Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ tương đương B1 (khung năng lực 6 bậc Châu Âu).

- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào chuyên ngành, đạt trình độ tương đương IC3 (sử dụng máy tính và Internet) hoặc kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/3/2014).

- Đạt chứng chỉ Kỹ năng mềm.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Sống và làm việc chấp hành theo chính sách pháp luật của nhà nước

- Rèn luyện được tác phong công nghiệp, đức tính trung thực.

- Có tinh thần học hỏi tích lũy kinh nghiệm cho bản thân, không ngừng học tập nâng cao trình độ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Cử nhân cao đẳng May- Thiết kế thời trang làm trong các dây chuyền sản xuất, làm kỹ thuật tại các phòng kỹ thuật, hay phòng thiết kế thời trang. Có khả năng tự làm việc độc lập trong lĩnh vực may hay thiết kế nếu không tham gia sản xuất tại các doanh nghiệp.

- Có thể làm cán bộ giảng dạy trong các trường trung cấp về đào tạo chuyên ngành May- Thiết kế thời trang.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 21
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 43 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 210 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 510 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 347 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 684 giờ; Kiểm tra 49 giờ

3. Nội dung chương trình:

| Mã MH/MĐ | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-------------|---|------------|-------------------------|------------|---|------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Thi/ Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 10 | 210 | 61 | 135 | 14 |
| MH3108020 | Giáo dục chính trị | 2 | 45 | 16 | 26 | 3 |
| MH3109021 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 2 | 30 | 14 | 14 | 2 |
| MH3108104 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH3109106 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 2 | 26 | 2 |
| MH3101202 | Tin học | 1 | 30 | 0 | 27 | 3 |
| MH3101207 | Tiếng Anh 2 | 3 | 60 | 20 | 37 | 3 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| II.1 | Môn học cơ sở | 10 | 180 | 104 | 65 | 11 |
| MH3106400 | Thẩm mỹ học | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MĐ3106401 | Vẽ mỹ thuật | 4 | 90 | 30 | 55 | 5 |
| MH3106402 | Vật liệu may | 2 | 30 | 24 | 4 | 2 |
| MĐ3106405 | Thiết bị may | 2 | 30 | 22 | 6 | 2 |
| II.2 | Môn học chuyên môn | 15 | 510 | 97 | 397 | 16 |
| MĐ3106506 | Thực tập sáng tác mẫu thời trang | 1 | 45 | 10 | 33 | 2 |
| MĐ3106411 | Thiết kế mẫu trên manequin | 3 | 60 | 27 | 30 | 3 |
| MĐ3106414 | Đồ họa trên trang phục | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ3106500 | Thực tập trang điểm | 1 | 45 | 10 | 33 | 2 |
| MĐ3106415 | Kỹ thuật xử lý chất liệu trang phục | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ3106501 | Thực tập thiết kế bộ sưu tập thời trang | 2 | 90 | 20 | 65 | 5 |
| MĐ3106909 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 180 | 0 | 180 | 0 |
| II.3 | Môn học tự chọn | | | | | |
| | Tự chọn A (chọn 3 TC) | 3 | 90 | 25 | 61 | 4 |
| MĐ3106502 | Thực tập may đo áo dài | 1 | 45 | 10 | 33 | 2 |
| MĐ3106416 | Thiết kế phụ kiện thời trang | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ3106417 | Xu hướng thời trang | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |

| | Tự chọn B (chọn 5 TC) | 5 | 90 | 50 | 36 | 4 |
|------------------|-------------------------------------|-----------|-------------|------------|------------|-----------|
| MĐ3106919 | Khóa luận | 5 | | | | |
| MH3106418 | Fashion marketing | 2 | 30 | 20 | 8 | 2 |
| MH3106419 | Quản lý chất lượng trang phục | 2 | 30 | 20 | 8 | 2 |
| MĐ3106420 | Thiết kế may trang phục cưới | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MĐ3106421 | Giác sơ đồ- nháy size trên máy tính | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| Tổng cộng | | 43 | 1080 | 337 | 694 | 49 |

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình: chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ

5.1. Các môn học chung bắt buộc theo qui định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

5.2. Tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình môn học, mô đun.

5.3. Xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải tích lũy từ 24 tín chỉ thì mới được đi thực tập tốt nghiệp.

+ Người học phải làm khóa luận (hoặc học các môn thay thế), học hết chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp (trình độ Cao đẳng) các quy định liên quan để xét cấp bằng tốt nghiệp và công nhận “Danh hiệu kỹ sư thực hành” theo quy định của Bộ LĐ TB-XH

5.4. Các chú ý khác:

Ngoài những môn học trong chương trình đào tạo, người học cần phải học bổ sung các môn học như sau nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường:

+ Tiếng Anh: Tiếng Anh 3 và Tiếng Anh 4 hoặc có chứng chỉ tương đương trình độ B1 (theo khung năng lực 6 bậc Châu Âu).

+ Tin học: Người học đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương

+ Kỹ năng mềm: Tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm và được cấp chứng nhận kỹ năng mềm

HIỆU TRƯỞNG



**TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT - KT**



Hồ Văn Nhất

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Thị Tú Trinh